

Phần VII

NHỮNG CHU KỶ THẾ GIỚI KHI NHỮNG ĐỨC PHẬT XUẤT HIỆN

NỘI DUNG

1. *Cách Tính Thời Gian Theo Phật Giáo*
2. *Chu Kỳ Thế Giới hay Đại Kiếp (Maha-kappa)*
3. *Kiếp Không Thế Tính Được Hay A-Tăng-Tỳ Kiếp (Asankheyya-kappa)*
4. *Trung Kiếp (Antara-kappa)*
5. *Kiếp Người (Ayu-kappa)*
6. *Chu Kỳ Những Vị Phật Xuất Hiện Hay Phật Kiếp (Buddha Kappa)*
7. *Hai Mươi Bốn Vị Phật Trước Đức Phật Thích Ca*
8. *Tám Phẩm Chất Của Một Vị Bồ-tát: Vị Phật Tương Lai*
9. *Giê-Su Có Phải Là Một Vị Bồ-tát Hay Không?*
10. *Khoảng Thời Gian Để Hoàn Thiện Những Hạnh Ba-la-mật (Parami)*
11. *Vì Sao Có Sự Khác Nhau Trong Việc Hoàn Thiện Những Hạnh Ba-la-mật (Parami)*
12. *Hiếm Thay Sự Xuất Hiện Của Một Vị Phật!*
13. *Tám Kiếp Sống (Cảnh Giới) Bất Hạnh Nhất Của Vòng Luân Hồi Sinh Tử (Samsara)*
14. *Sự Hoàn Thiện Các Hạnh Ba-la-mật Của Phật Duyên Giác (Pacceka Buddhas), Của Các Đại Đệ Tử Thanh Văn.*
15. *Những Đại Đệ Tử Ưu Việt Của Đức Phật*
16. *Chú Giải*
17. *Sách & Tài Liệu Tham Khảo*

I

Cách Tính Thời Gian Theo Phật Giáo

Trong hệ thống tính thời gian của Phật Giáo, từ “*kappa*” có nghĩa là một “chu kỳ” hay một “*aeon*” được dùng để chỉ những giai đoạn thời gian hay thời kiếp nào đó.

[Bản thân từ tiếng Anh “*aeon*”, được dùng để dịch từ “*kappa*” của tiếng Pali, vốn có nguồn gốc từ tiếng La-tinh, có nghĩa là một khoảng thời gian, một thời kỳ dài vô tận, hơn bất kỳ con số hay sự tưởng tượng nào của con người. Và xưa nay người ta quen dùng từ “*kiếp*” để tạm dịch từ này qua tiếng Việt, mặc dù “*kiếp*” ở đây không phải có nghĩa như chỉ là một “*kiếp người*” vô cùng ngắn ngủi của chúng ta– ND].

Bốn chu kỳ thời gian được phân biệt như sau:

- (a) Một Đại Kiếp (*maha-kappa*),
- (b) Một A-tăng-tỳ Kiếp (*asankheyya-kappa*),
- (c) Một Trung Kiếp (*antara-kappa*), và
- (d) Một Kiếp Người (*ayu-kappa*)

II

Đại Kiếp (*Maha-kappa*)

Một Đại Kiếp (*maha-kappa*) nói chung có nghĩa là một **chu kỳ tạo lập và tan rã của thế giới**. Vậy một chu kỳ tạo lập, tồn tại, và tan rã của một thế giới là bao nhiêu lâu?

Trong “*Bộ Kinh Liên Kết*” (Tương Ứng Kinh Bộ, Chương 15), Đức Phật đã dùng một ví dụ núi đá hay số lượng hạt cải để mô tả về định nghĩa của “đại kiếp”, với đại ý như sau:

“Giả sử có một khối núi đá cứng, chiều dài một yojana, rộng một yojana và cao một yojana và cứ mỗi 100 năm, một người đến lau chùi bằng miếng vải lụa Kasika. Cho đến khi khối núi đá này được chùi mòn hết, thì khoảng thời gian không thể tưởng tượng đó vẫn còn ngắn hơn một đại kiếp (*maha-kappa*)”.*

*“Hay giả sử có một khu được bao bọc bởi tường thành bằng sắt, chiều dài một yojana, rộng một yojana và cao một yojana và được đổ đầy hạt cải bên trong lên hết chiều cao tường thành và cứ 100 năm, một người đến lấy một hạt cải. Cho đến khi không còn hạt cải nào ở đó, thì khoảng thời gian không thể tưởng tượng đó cũng chưa bằng một đại kiếp (*maha-kappa*).” ***

* (Một yojana còn được gọi là một do-tuần (HV) = 8 dặm Anh = khoảng 12.875 Km).

Những ví dụ trên đây là đại ý trong bài Kinh nói trên, chứ không phải trích nguyên lời kinh Đức Phật đã nói. Để đọc đầy đủ, coi các kinh **SN 15:05 và **06** (Quyển 2).

◆ Vậy bao nhiêu đại kiếp đã nối tiếp nhau trôi qua trong quá khứ rồi?

Theo lời Đức Phật trong các kinh nói trên:

“Này Tỳ kheo, một đại kiếp là rất dài. Và với những đại kiếp dài vô vàn như vậy, chúng ta đã lang thang trôi giạt suốt nhiều đại kiếp, rất nhiều trăm đại kiếp, rất nhiều ngàn đại kiếp, rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (Điều này là quá đủ ... để (chúng ta) trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ để (chúng ta tìm cách) giải-thoát khỏi chúng).”

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [saṃsāra] này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.”

III

A-tăng-tỳ Kiếp (Asankheyya-kappa)

Theo như trong bộ kinh Tăng Chi (AN), có 4 giai đoạn được gọi là 04 “**kỷ nguyên không thể nào tính được**” được gọi là 04 A-tăng-tỳ Kiếp (*Asankheyya-kappa*), ngắn hơn một đại kiếp (*maha-kappa*).

Khoảng thời gian của một trong 04 A-tăng-tỳ Kiếp này không thể nào tính ra được, ngay cả lấy đơn vị là 1 lakh = 100.000 năm để tính. Vì thế nên một A-tăng-tỳ Kiếp cũng có nghĩa là “một khoảng thời gian dài không bao giờ đếm được”.

Bốn A-tăng-tỳ Kiếp này là:

(1) Kỷ Nguyên Hoại Diệt (Hoại Kiếp)

Là thời kỳ hủy hoại hay tiêu hủy thế giới. Trong “*Kinh Mặt Trời*” thuộc bộ kinh AN, Đức Phật đã mô tả sự hủy hoại thế giới bằng **Lửa**, thậm chí tiêu hủy đến tận những cõi trời Đại Phạm Thiên. A-tăng-tỳ Kiếp bắt đầu tính từ những trận mưa lớn bắt đầu dập tắt tất cả biển lửa trên thế giới nếu thế giới bị tiêu hủy bằng Lửa, hoặc bắt đầu bằng việc rút nước lũ lụt, nếu thế giới bị tiêu hủy bằng Nước; hoặc bắt đầu bằng việc ngưng bão tố nếu thế giới bị hủy diệt bằng Gió.

Việc mô tả hoàn toàn chi tiết về sự kiện thế giới bị tiêu hủy bằng những yếu tố lửa, nước, gió được ghi lại trong chương nói về những kiếp quá khứ trong quyển *Thanh Tịnh Đạo* (*Visuddhi Magga*).

(2) Kỷ Nguyên Hoàn Toàn Hủy Diệt (Tận Hoại Kiếp)

Là thời kỳ tất cả hệ thống trên thế giới đã **bị tiêu hủy hoàn toàn** hay trong tình trạng là **Không Trơ**. Đây là thời kỳ bắt đầu từ lúc mà thế giới đã bị tiêu hủy bởi lửa, nước hay gió rồi cho đến khi bắt đầu những trận mưa lớn báo hiệu một chu kỳ một quá trình tiến hóa mới bắt đầu một thế giới mới.

(3) Kỷ Nguyên Phát Triển

Là giai đoạn **tiến hóa**. Đây là giai đoạn từ lúc có những trận mưa phát động sự tiến hóa một thế giới mới nói trên cho đến khi xuất hiện mặt trời, mặt trăng, những ngôi sao và những hành tinh.

(4) Kỷ Nguyên Đã Phát Triển

Là giai đoạn **liên tục** tiếp theo. Giai đoạn này bắt đầu từ lúc xuất hiện mặt trời, mặt trăng, những ngôi sao và những hành tinh cho đến khi có những trận mưa lớn báo hiệu bắt đầu sự hủy diệt của thế giới (bằng lửa, nước hay gió...).

► Kiếp sống hiện tại của chúng ta là một trong vô lượng kiếp của A-tăng-tỳ Kiếp thứ tư này, trong một chu kỳ đại kiếp.

◆ **Giải Thích về Tuổi Thọ ở Những Cảnh Giới sống tương ứng với Tầng Thiên Định thứ nhất, thứ Hai và thứ Ba.**

(1)

Khi thế giới bị hủy diệt bằng 3 yếu tố (**tam đại**) lửa, nước và gió, **Lửa** tiêu hủy thế giới cho đến 3 cõi hay cảnh giới sống của tầng thiên định thứ nhất (**Nhất Thiên**). Theo

các nhà luận giải, tuổi thọ cao nhất của những cảnh giới Nhất Thiên là 01 A-tăng-tỳ Kiếp (tức “một kỷ nguyên không thể tính được” đã giải thích ở trên), bởi vì những cảnh giới của tầng thiên định này chỉ tồn tại trong một kỷ nguyên đó là Kỷ Nguyên Đă Phát Triển, tức trong A-tăng-tỳ Kiếp thứ tư ở trên.

(2)

Sau khi bị tiêu hủy 7 lần liên tục bằng lửa, đến đợt thứ 8, thế giới sẽ bị tiêu hủy bằng **Nước**, lúc đó sự tiêu hủy sẽ đến 3 cảnh giới hay 3 cõi sống tương ứng với tầng thiên định thứ hai (**Nhị Thiên**). Vì vậy, tuổi thọ dài nhất ở những cảnh giới này là 8 đại kiếp.

(3)

Sau khi bị tiêu hủy bằng Lửa qua 7 chu kỳ và 1 chu kỳ bằng nước, thế giới lại bị tiêu hủy bằng **Gió** vào chu kỳ thứ 64, lúc đó sự tiêu hủy sẽ đến tận cảnh giới hay cõi sống tương ứng với tầng thiên định thứ ba (**Tam Thiên**). Vì vậy, tuổi thọ cao nhất ở cảnh giới này là 64 đại kiếp.

◆ Nguyên Nhân Hoại Diệt và Khai Triển Lại Thế Giới?

Trong quyển “*CẨM NANG VỀ TRẬT TỰ VŨ TRỤ*” (*Manual of Cosmic Order*), đại trưởng lão Mahathera Ledi Sayadaw có viết rằng:

“Không có một khởi thủy rõ ràng hay một kết thúc rõ ràng được biết đến, thế giới hay vũ trụ vật lý cứ liên tục như vậy bất chấp những chủ nhân thế giới hay những đấng siêu nhiên (issara) có xuất hiện hay không. Không bất kỳ dạng siêu nhiên nào, thậm chí một trăm, thậm chí một ngàn, thậm

*chỉ một trăm ngàn đấng như vậy cũng không thể nào làm ra, sáng tạo ra, hay giải tán (thế giới, vũ trụ đó). Bằng **quy luật của Lửa** (utu niyama), bằng **quy luật nhân-duyên tự nhiên** (dhamma niyama), trật tự của vũ trụ vật lý này được duy trì như vậy”.*

IV

Trung Kiếp (*Antara-kappa*)

Trong A-tăng-tỳ Kiếp thứ tư hay “Kỷ nguyên Đã Phát Triển”, vòng đời hay tuổi thọ của con người có tăng hay giảm tùy thuộc đức-hạnh hay mức độ lương-tâm của loài người. Nếu đạo-đức của con người đang phát huy, thì tuổi thọ của con người sẽ tăng lên đến mức siêu thọ **80.000 năm**, đó là **Đỉnh Cao của tuổi thọ loài người**. Nếu mức độ đạo đức sa sút, tuổi thọ loài người chỉ còn **10 năm**, đó là **tuổi thọ thấp nhất của loài người**.

Để giảng giải rộng thêm vấn đề này, các thầy có thể giảng giải thêm từ những thông tin trong “*Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hồng*” (*Cakkavati-Sihananda Sutta*) thuộc “*Bộ Kinh Dài*” (*Trường Kinh Bộ, DN*).

Khoảng thời gian của một chu kỳ trong đó tuổi thọ của loài người được tăng từ 10 năm đến siêu thọ 80.000 năm và rồi giảm từ siêu thọ xuống còn 10 năm trở lại thì được gọi là một chu kỳ Trung Kiếp (*antara-kappa*) nằm trong A-tăng-tỳ Kiếp “Đã Phát Triển” thứ tư nói trên.

(Như vậy tuổi thọ trung bình trong Trung Kiếp này của chúng ta hiện nay (xem bên dưới) khoảng 100 năm là thuộc giai đoạn đang giảm xuống từ siêu thọ đến 10 năm. Hãy tưởng tượng sự sa sút về đức-hạnh của con người trong thời kiếp này!) (ND)

◆ **Một Trung Kiếp Kéo Dài Bao lâu?**

Trong quyển “*CẨM NANG VỀ TRẬT TỰ VŨ TRỤ*” (*Manual of Cosmic Order*), đại trưởng lão Mahathera Ledi Sayadaw cũng đã dùng lại ví dụ về số lượng cát sông Hằng để so sánh như sau:

“*Nếu một người phải đếm số năm của một Trung Kiếp bằng số hạt cát, bốc đếm từng hạt cát của tất cả các chi lưu của sông Hằng, thì con số hạt cát sông Hằng có lẽ hết trước khi số năm của một Trung Kiếp được đếm hết*”.

(Có nghĩa rằng: tổng số lượng hạt cát ở sông Hằng (Hằng Hà sa số) cũng còn ít hơn tổng số năm của một Trung Kiếp).

Kỷ Nguyên Đã Phát Triển đến sau cùng. Vì hoàn toàn không có sự sống hay chúng sinh nào sống trong 3 A-tăng-tỳ Kiếp kia, nên 3 A-tăng-tỳ-kiếp đó không thể được suy ra là một Trung Kiếp theo cách diễn giải trên đây. Nhưng tất cả 4 A-tăng-tỳ Kiếp đó có độ dài như nhau và theo như tất cả các luận giảng, **mỗi kỷ nguyên A-tăng-tỳ Kiếp** (tức một trong 4 kỷ nguyên Không Thể Tính Được) được chia đều thành **64 kỷ nguyên Trung Kiếp** (*antara-kappa*).

Trong một số chỗ thuộc Kinh Điển Pali, một A-tăng-tỳ Kiếp được ghi lại là bao **gồm 64 hoặc 20 Trung Kiếp**. Điều này là bởi vì có một kỷ nguyên khác được cho là một Trung Kiếp, đó là vòng đời hay “tuổi thọ” ở cảnh giới địa ngục A-Tỳ (Avici), được cho là bằng đến **1/80** của một Đại Kiếp hay bằng **1/20** một A-tăng-tỳ Kiếp. Bằng cách tính này, người xưa đã cho rằng một A-tăng-tỳ Kiếp thì bằng tương đương với 64 Trung Kiếp của cảnh giới con người hay bằng tương đương với 20 Trung Kiếp của cảnh giới Địa Ngục A-Tỳ.

V

Kiếp Người (*Ayu Kappa*)

Trong tiếng Pali, chữ *ayu-kappa* theo nghĩa gốc có nghĩa là vòng đời hay **tuổi thọ**. Nếu vòng đời là 100 năm, thì tuổi thọ (*ayu kappa*) là một thế kỷ. Nếu vòng đời là 1.000 năm, thì tuổi thọ (*ayu kappa*) là một thiên niên kỷ.

Khi Đức Phật nói với ngài Ananda rằng:

“Này Ananda, ta đã tu tập được bốn cơ-sở năng-lực thần thông (Tứ Thần Túc). Vì vậy, nếu ta muốn sống thêm một kiếp (kappa)....”, thì chữ *kappa* này có nghĩa là một kiếp người hay một vòng đời của con người (*ayu-kappa*), đó là khoảng 100 năm vào thời Đức Phật tại thế. Đây là cách diễn dịch của các luận giảng về kinh “Đại Bát-Niết-bàn”.

(Có những luận giảng khác thì cho rằng chữ *kappa* trong lời này của Phật có nghĩa là một đại kiếp. Nhưng trong toàn bộ Kinh Tạng không có kinh nào có chữ này có nghĩa là một đại kiếp như vậy.)

VI

Phật Kiếp (*Buddha Kappa*)

Phật Kiếp là những chu kỳ thế giới hay những Đại Kiếp trong đó có những vị Phật xuất hiện. Một đại kiếp không có xuất hiện vị Phật nào thì được gọi là Kiếp Không (*suñña kappa*).

Một kiếp nào có một hay nhiều vị Phật xuất hiện thì được gọi là một **Phật Kiếp** (*Buddha kappa*). Kiếp (*kappa*) ở đây nếu đứng riêng một mình không có tính từ hay danh từ ghép đứng trước, thì có nghĩa là một Đại Kiếp (*Maha-kappa*).

Có năm (5) loại Phật Kiếp, đó là:

- (a) *Sara-kappa*: Kiếp có một vị Phật xuất hiện
- (b) *Manda-kappa*: Kiếp có hai vị Phật xuất hiện.
- (c) *Vara-kappa*: Kiếp có ba vị Phật xuất hiện.
- (d) *Saramanda-kappa*: Kiếp có bốn vị Phật xuất hiện.
- (e) *Bhadda-kappa*: Kiếp có năm vị Phật xuất hiện.

Đại Kiếp hiện tại (hay thế giới hiện tại) là một **kiếp lành**, nhiều may mắn cho thế gian, tiếng Pali là: “***Bhadda kappa***”, vì có đến **5** vị Phật Toàn Giác xuất hiện. Bốn vị Phật đã xuất hiện trước, đó là:

- (1) **Đức Phật Kakusandha** (Câu-Lưu-Tôn),
- (2) **Đức Phật Konagamana** (Câu-Na-Hàm),
- (3) **Đức Phật Kassapa** (Ca-Điếp),
- (4) **Đức Phật Cồ-Đàm (Gotama)** hay **Phật Thích Ca Mâu-Ni (Sakyamuni)**.

- (5) **Đức Phật Di Lạc (Mettaya)**, chưa xuất hiện trong kỷ nguyên thế giới này, nhưng sẽ xuất hiện trong một kỷ nguyên thế giới tiếp theo (chẳng hạn trong A-tăng-tỳ-kiếp tiếp theo).

Khoảng thời gian giữa một vị Phật Toàn Giác xuất hiện và một vị Phật khác xuất hiện có thể là một Đại Kiếp hoặc một A-tăng-tỳ Kiếp.

Chữ *Asankheyya* (A-tăng-tỳ) có nghĩa gốc là một con số, nhưng “**không thể đếm được**”, “**không thể tính được**”, và có nghĩa đó trong trường hợp nói về Phật Kiếp này.

Học giả Childers trong quyển *Tự Điển Pali* đã định nghĩa “A-tăng-tỳ” (*asankheyya*) là một con số lớn nhất, bằng 10^{140} tức bằng 1 theo sau 140 con số 0!

Một con số A-tăng-tỳ Kiếp (*asankheyya kappa*) = 10^{140} Kiếp là một con số vô cùng lớn về thời gian, thách thức cả trí tưởng tượng!

► *Lưu ý: Chúng ta không nên nhầm lẫn con số này với một kỷ nguyên gọi là A-tăng-tỳ Kiếp được định nghĩa trong phần số (3) ở trên. Kỷ nguyên một A-tăng-tỳ Kiếp (asankheyya-kappa) đó chỉ bằng 1/4 một Đại Kiếp.*

Còn trong phần này đang nói về nghĩa của chữ hay con số “A-tăng-tỳ” có nghĩa là: không đếm được, có nghĩa bằng = 10^{140} (là số đếm đơn vị). Và khi nói con số một “A-tăng-tỳ Đại Kiếp” (asankheyya-kappa) có nghĩa là tương đương bằng = 10^{140} Đại Kiếp, đó là khoảng thời gian vô tận giữa những chu kỳ thế giới có những vị Phật xuất hiện.

Ví dụ: Khi “Đại Kiếp” là một đơn vị khoảng thời gian, đếm có 1 đại kiếp, 2 đại kiếp, và có 10^{140} Đại Kiếp. Và con số 10^{140} Đại Kiếp được gọi là một “A-tăng-tỳ Đại Kiếp”, tức một A-tăng-tỳ = 10^{140} . Còn một kỷ nguyên “A-tăng-tỳ Kiếp” thì chỉ bằng $\frac{1}{4}$ của một “Đại Kiếp” mà thôi.

Đức Phật Thích Ca của chúng ta đã nhận được xác nhận (thọ ký) vào thời kiếp quá khứ còn là tu sĩ tên **Sumedha**, lúc đó đã có đại nguyện (trở thành Đức Phật Toàn Giác) dưới chân **Đức Phật Nhiên Đăng (Dipankara Buddha)** cách đây 4 A-tăng-tỳ Đại Kiếp và một trăm ngàn đại kiếp (4 *asankheyya kappa* và 100.000 *kappa*).

Từ đó đến nay, đã có 11 Phật Kiếp (*Buddha kappa*), Phật Kiếp hiện tại là thứ 11.

VII

Hai Mươi Bốn Vị Phật Trước Đức Phật Thích Ca

Chúng ta không nên có suy luận rằng không có Phật Kiếp nào trước thời Đức Phật Nhiên Đăng (Dipankara Buddha), hoặc sẽ không còn những vị Phật xuất hiện sau đại kiếp này. Số lượng những vị Phật xuất hiện, đến và đi trong quá khứ hoặc những vị Phật xuất hiện rồi đi trong tương lai, là không thể nào đếm được, không thể nào nghĩ bàn được, nhiều như cát sông Hằng.

Tên của 24 vị Phật xuất hiện trước thời Đức Phật Thích Ca kể từ sau thời Đức Phật Nhiên Đăng (Dipankara) và những khoảng cách thời gian giữa những vị Phật đó được ghi chép lại như sau:

- Cách đây 4 A-tăng-tỳ Đại Kiếp (*asankheyya kappa*) + 100.000 Đại Kiếp (*kappa*):

- (1) Đức Phật **Tanhankara**
- (2) Đức Phật **Medhankara**
- (3) Đức Phật **Saranankara**
- (4) Đức Phật **Dipankara** (Nhiên Đăng).

- Cách đây 3 A-tăng-tỳ Đại Kiếp (*asankheyya kappa*) + 100.000 Đại Kiếp (*kappa*):

- (1) Đức Phật **Kondanna**

- Cách đây 2 A-tăng-tỳ Đại Kiếp (*asankheyya kappa*) + 100.000 Đại Kiếp (*kappa*):

- (1) Đức Phật **Mangala**
- (2) Đức Phật **Sumana**
- (3) Đức Phật **Revata**
- (4) Đức Phật **Sobhita**

• Cách đây 1 A-tăng-tỳ Đại Kiếp (*asankheyya kappa*) + 100.000 Đại Kiếp (*kappa*):

- (1) Đức Phật **Anomadassin**
- (2) Đức Phật **Paduma**
- (3) Đức Phật **Narada**

• Cách đây 100.000 Đại Kiếp (*kappa*):

- (1) Đức Phật **Padumuttara**

• Cách đây 30.000 Đại Kiếp (*kappa*):

- (1) Đức Phật **Sumedha**
- (2) Đức Phật **Sujata**

• Cách đây 18.000 Đại Kiếp (*kappa*):

- (1) Đức Phật **Piyadassin**
- (2) Đức Phật **Atthadassin**
- (3) Đức Phật **Dhammadassin**

• Cách đây 94 Đại Kiếp (*kappa*):

- (1) Đức Phật **Siddhattha**

• Cách đây 92 Đại Kiếp (*kappa*):

- (1) Đức Phật **Tissa**
- (2) Đức Phật **Phussa**

• Cách đây 91 Đại Kiếp (*kappa*):

(1) Đức Phật **Vipassin**

• Cách đây 31 Đại Kiếp (*kappa*):

(1) Đức Phật **Sikhin**

(2) Đức Phật **Vessabhu**

• Trong Đại Kiếp hiện tại:

(1) Đức Phật **Kakusandha (Câu-Lưu-Tôn)**

(2) Đức Phật **Konagamana (Câu-Na-Hàm)**

(3) Đức Phật **Kassapa (Ca-Điếp)**

(4) Đức Phật **Thích-Ca (Cồ-Đàm)**

VIII

Tám Phẩm Chất Của Một Vị Phật *Bồ-Tát*: Vị Phật Tương Lai

Đây là những đặc điểm hay phẩm chất của một vị *Bồ-tát*, trước khi thành một vị Phật Toàn Giác, trong giai đoạn tu hành và phát triển của một *Bồ-tát*, thậm chí chỉ sau khi mới nhận được lời thọ ký hay tiên tri sẽ trở thành một vị Phật tương lai, cho đến khi nào được phú cho những phẩm chất và đặc điểm sau đây mới được gọi là một *Bồ-tát*:

1. *Phải là một con người.*
2. *Phải là một nam nhân.*
3. *Phải hoàn thiện tất cả những điều kiện cần thiết, chẳng hạn như phải hoàn thành những Điều Hoàn Thiện (Ba-la-mật) cần thiết để chứng đắc đạo quả A-la-hán ngay trong kiếp này.*
4. *Phải gặp được một vị Phật*
5. *Phải là một tu sĩ tin theo học thuyết Nghiệp Báo (Kammavadi ascetic) hoặc phải là một Tỳ Kheo trong tăng đoàn vào thời có một vị Phật*
6. *Phải có năng-lực chứng đắc những tầng Thiên định (jhana).*
7. *Hành-động công-đức, chẳng hạn như có thể chết thay hay để bảo vệ cho một vị Phật.*
8. *Phải có những mong-muốn (chanda) rất mạnh mẽ để thực hiện mục tiêu, dù biết rằng mình có thể phải chịu nhiều kiếp tái sinh, ngay cả vào những cảnh giới xấu.*

Chỉ có những ai được phú đầy đủ 8 phẩm chất trên đây thì mới đủ phẩm cách nhận được *sự bảo đảm* sẽ trở thành một vị Phật tương lai (*Niyata Vivaranam*). Ngay cả khi còn là một *Bồ-tát*, thì cũng rất hy hữu để được tiên tri trở thành một vị Phật tương lai.

Nói về quả vị Phật thì nói về điều gì?: Để giác ngộ được một quả vị Phật phải mất ít nhất 4 A-tăng-tỳ Kiếp (*asankheyya*) và 100.000 ngàn kiếp (*lakh of kappa*) để thực hành tất cả mọi Điều Hoàn Thiện (Ba-la-mật) đến mức cao nhất, bất chấp mạng sống của mình!

◇ Tại Sao Một Vị Bồ-Tát Có Tâm Nguyên Trở Thành Một Vị Phật, trong khi một Bồ-Tát có thể dễ dàng chứng Giác Ngộ cho mình?

Đó chính là vì Lòng Bi, Lòng Đại Bi (*Mahakaruna*) dành cho tất cả chúng sinh đang ngập chìm trong biển luân hồi.

“Là một người biết được mãnh lực của mình, thì qua sông (đáo bỉ ngạn) một mình để mà làm gì? Nếu chứng ngộ sự Toàn Giác (là một vị Phật), Ta có thể giúp thế gian cùng với những thiên thần cùng qua sông”.

(Trích trong *Biên Niên Sử Chư Phật*, I.,56)

IX

Chúa Giê-su Có Phải Là Một Vị Bồ-Tát không?

Đây là vấn đề hoàn toàn riêng của những người Phật Giáo, vì có một số người thường hay giả định hay có quan điểm cho rằng Chúa Giê-su (Jesus Christ) là đặc điểm của một vị *Bồ-tát* (*Bodhisatta*). Và họ đưa ra những lý lẽ như sau:

1. Chúa Giê-su đã giảng dạy giáo lý của Ngài về sự nhẫn nhục, sự bất bạo động và lòng bác ái, mà những điều này hình như trái lại với quan điểm của Đức Chúa Trời theo như Kinh Cựu Ước (Old Testament).

2. Một *Bồ-tát* không nhất thiết phải là một Phật tử hay một người theo Phật giáo trong kiếp sống trước trước khi người ấy thành Phật ở kiếp cuối cùng.

3. Sự Hy Sinh sinh mạng của bản thân mình để cứu rỗi cho tất cả những người khác là một bằng chứng chắc chắn là một *Bồ-tát* (theo định nghĩa về phẩm chất của một vị *Bồ-tát* như đã nói trên –ND).

Để đạt được mục tiêu rốt ráo là quả vị Phật, theo Phật giáo, thì một *Bồ-tát* phải thực hành viên mãn Mười Điều Hoàn Thiện (Ba-la-mật) bằng chính nỗ lực và khả năng của bản thân mình, không dựa vào bất kỳ sự giúp đỡ nào bên ngoài. **Vì nếu không phải vậy, họ sẽ không đủ phẩm chất được gọi là Hoàn Thiện!**

Trong kiếp sống cuối cùng của mình, một vị *Bồ-tát* phải nỗ lực hết sức mình để tâm nguyện và chứng bằng được sự Giác ngộ. Người ấy phải hạ quyết tâm và thề nguyện rằng:

“Dù cho chỉ còn là da, gân, xương và máu đã cạn khô, Ta nhất định không đứng dậy cho đến khi nào Ta đạt được sự Giác ngộ”.

Bằng chính nỗ lực bản thân mình, mới đạt được Giác ngộ.

Như vậy Phật giáo chủ trương tất cả mọi người, kể cả những vị *Bồ-tát* phải nỗ lực bằng chính bản thân mình mới có cơ hội thành đạo, chứ không dựa vào một đấng tối cao nào. Trong khi đó, học thuyết của Giê-su thì ngược lại. Điều đó cho thấy Giê-su không phải là ***một người tin theo Quy Luật Nghiệp (kammavadi)***, nhưng ngài đã dạy mọi người rằng sự cứu rỗi của mỗi người là nhờ vào **Ơn Huệ của Đức Chúa Trời**. Điều này đã phân định rõ ràng Giê-su không phải là một vị *Bồ-tát* như một số người đã giả định và luận giảng.

Hiện nay, chúng ta thường gặp nhiều bài viết của nhiều tu sĩ Phật giáo cố gắng đưa song song những giáo lý Phật Pháp và những Kinh Phúc Âm của chúa Giê-su, cứ như thể đó là cùng một thông điệp từ 2 người thầy khác nhau vậy.

Mọi tôn giáo trên thế giới này đều dạy những tín đồ của mình những điều tốt đẹp, thực hiện những điều từ bi và thiện lành, tuân giữ những giới-hạnh đạo đức (*sila*). Một số tôn giáo thì dạy cho mọi người biết thực hành để đạt được sự Định Tâm (*samatha*) để tăng trưởng sự tĩnh tâm và hạnh phúc.

Lý thuyết chung của Thiên Chúa Giáo là mọi người phải thờ phụng Chúa Trời và số phận của mọi người phụ thuộc vào ân huệ của Chúa. Điều đó không giống như giáo lý Phật giáo chủ yếu dạy rằng con người cần thực hành Bát Thánh Đạo như là con đường dẫn đến sự chứng ngộ Niết-bàn hạnh phúc và Giác Ngộ, chấm dứt khổ đau. Và mục tiêu tối thượng này cần phải được thực hiện, tu tập bằng sự nỗ-lực của mỗi cá nhân, chứ không phải bằng những lời cầu nguyện!

X

Thời Gian ĐỂ Hoàn Thiện Những Ba-La-Mật (*Parami*)

Chữ *paramo* có nghĩa là “cao nhất”, và được dùng để nói về một vị *Bồ-tát* (*Bodhisatta*), bởi vì một vị *Bồ-tát* là một bậc chúng sinh cao quý nhất, có được những phẩm chất và đức hạnh phi thường như sự **Bố-Thí**, **Trì-Giới**, **Nhẫn-Nhục**... Mặc dù một vị *Bồ-tát* hoàn toàn có khả năng đạt được Giác Ngộ như một bậc A-la-hán trong kiếp sống này, nhưng ngài **quyết định chọn** con đường chúng đắc quả vị Phật Toàn Giác xuất phát từ **Lòng Đại Bi** dành cho mọi chúng Sinh, để cứu chúng sinh thoát khỏi biển luân hồi (*samsara*). Mười phẩm-hạnh mà một vị *Bồ-tát* đã nguyện làm và hoàn thiện thì được gọi là *Mười Điều Hoàn Thiện* hay *Mười Ba-la-mật*.

Theo những Luận giảng, khi một người đã được công nhận (thọ ký) là một vị *Bồ-tát* (hay một vị Phật tương lai), người đó phải hoàn thiện Mười Ba-la-mật (*Parami*) quan trọng, đó là:

- (1) **Bố Thí**, sự rộng lòng cho đi (**Dana**)
- (2) **Trì Giới**, tức là giữ nghiêm giới hạnh (**Sila**)
- (3) **Xuất Gia**, tức từ bỏ đời sống tại gia (**Nekkhamma**)
- (4) **Trí Tuệ**, hay Bát-nhã (**Panna**)
- (5) **Nỗ Lực**, tức tinh tấn (**Viriya**)
- (6) **Nhẫn Nhục**, kiên nhẫn chịu đựng (**Khanti**)
- (7) **Chân Thật** (**Sacca**)
- (8) **Quyết Tâm**, tức nhất tâm, nhất quyết (**Adhitthana**)

(9) **Tâm Từ**, tức sự từ ái, lòng từ (**Metta**)

(10) **Tâm Buông Xả**, sự xả bỏ (**Upekkha**)

— Để thực hành và hoàn thiện những phẩm chất này bằng việc hy sinh, đánh đổi tất cả bằng tài sản của mình, thì được gọi là những *Ba-la-mật bình thường (Parami)*.

— Để thực hành và hoàn thiện những phẩm chất này bằng việc hy sinh chân hay tay hay những bộ phận của cơ thể mình, thì được gọi là những *Ba-la-mật trung bình (Upaparami)*.

— Để thực hành và hoàn thiện những phẩm chất này bằng việc hy sinh cả tính mạng mình thì được gọi là những *Ba-la-mật cao thượng nhất (Paramattha-Parami)*.

Như vậy, nếu mỗi phẩm chất được thực hành và với ba cấp độ Ba-la-mật, thì tổng cộng có tất cả 30 Hạnh Nguyên Ba-la-mật phải được thực hành và hoàn thiện.

Trong trường hợp của Đức Phật Thích Ca, khoảng thời gian tối thiểu để Phật thực hành và hoàn thiện “Mười Ba-la-mật” đã là: 04 A-tăng-tỳ Đại Kiếp (*asankheyya kappa*) + 100.000 đại kiếp (*kappa*).

► Lưu ý: Một lần nữa, chúng ta không nên nhầm lẫn giữa 04 A-tăng-tỳ Đại Kiếp (4 *asankheyya kappa*) với 04 A-tăng-tỳ Kiếp, vì một kỷ nguyên A-tăng-tỳ Kiếp chỉ bằng 1/20 của một Đại Kiếp. Ở đây, đại kiếp đang nói là khoảng thời gian giữa thời Đức Phật Nhiên Đăng (*Dipankara Buddha*) và Đức Phật Padumuttara (*Padumuttara Buddha*), được gọi là một Phật Kiếp.

Những hạnh Ba-la-mật phụ thuộc vào những **dạng Bồ-tát** khác nhau. Điều này là bởi vì những **Bồ-tát** khác nhau có những **mức độ thuần thực hay chín muồi** khác nhau, mặc dù tất cả các ngài đều có được 08 phẩm chất bắt buộc của một vị **Bồ-tát**. Ba **dạng** của các vị **Bồ-tát** đó là:

(1) **Pannadhika**: **Bồ-tát** hành trì theo **Trí Tuệ** (tuệ). Trí Tuệ Bát-nhã luôn luôn thể hiện đầy đủ trong mọi nỗ lực tu tập và vị **Bồ-tát** sẽ trở thành một vị Phật sau khi hoàn thiện “**Mười Ba-la-mật**” trong 04 A-tăng-tỳ Đại Kiếp và 100.000 đại kiếp.

(2) **Saddhadhika**: **Bồ-tát** hành trì theo **Niềm-Tin** (tín). Niềm-tin này luôn luôn thể hiện đầy đủ trong sự nỗ lực tu tập và vị **Bồ-tát** sẽ trở thành một vị Phật sau khi hoàn thiện “**Mười Ba-la-mật**” trong 08 A-tăng-tỳ Đại Kiếp và 100.000 đại kiếp.

(3) **Viriyadhika**: **Bồ-tát** hành trì theo sự **Nỗ-Lực** (tán). Sự Nỗ-Lực (tinh tấn) này luôn luôn thể hiện đầy đủ trong sự nỗ lực tu tập và vị **Bồ-tát** sẽ trở thành một vị Phật sau khi hoàn thiện “**Mười Ba-la-mật**” trong 16 A-tăng-tỳ Đại Kiếp và 100.000 đại kiếp.

Cách phân dạng những vị **Bồ-tát** này chỉ áp dụng cho hạng **Bồ-tát** mà thôi. Sau khi các vị **Bồ-tát** đã trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, tất cả các ngài **đều như nhau** về mọi mặt Tuệ, Tín, Tấn. Chúng ta không thể nào phân biệt hay nói rằng vị Phật nào thì thành tựu viên mãn hơn vị Phật khác về một mặt nào, vì tất cả đã trở thành những vị Phật Toàn Giác, những vị Phật giác ngộ viên mãn.

XI

Tại Sao Có Sự Khác Nhau về Thời Gian Hoàn Thiện Những Ba-la-mật

Khi bàn về sự khác nhau về những khoảng thời gian cần hiết để hoàn thiện những Ba-la-mật của *Bồ-tát*, sách **Luận Giảng Kinh Pháp Cú** và những tài liệu khác đưa ra ý kiến là vì đó là sự khác nhau giữa những trình độ, cấp độ **Chín-Muôi** hay **Trưởng Thành** của những vị *Bồ-tát* khác nhau.

Những luận giảng trên cũng cho rằng, từ lúc nhận được sự thọ ký từ một Đức Phật, những vị *Bồ-tát* thường gồm có 03 dạng người như sau:

- (i) *Bồ-tát Ugghatittanu Bodhisatta*
- (ii) *Bồ-tát Vipancittanu Bodhisatta*
- (iii) *Bồ-tát Neyya Bodhisatta*

Tất cả những vị *Bồ-tát* này đều có khả năng giác ngộ thành bậc A-la-hán và đạt được sáu **Năng Lực Siêu Nhiên** (tức sáu Thân Thông) (coi **Chú Giải 1**) và **Trí Tuệ mang tính Phân Tích** (tức Vô Ngại Giải Trí, *Patisambhida Nana*) (coi **Chú Giải 2**), nếu họ muốn giác ngộ như một người thuộc hàng Đệ Tử của Phật. Tuy nhiên, tốc độ chứng ngộ của họ là khác nhau, tùy thuộc vào những **03 dạng ‘người’ (puggala) khác nhau (Chú Giải 3)**.

(i) Đối với *Bồ-tát Ugghatittanu*, mức độ trưởng thành về những Ba-la-mật để dẫn đến giác-ngộ của ngài là **rất mạnh mẽ**, những vị *Bồ-tát* dạng này có thể thực hành và hoàn thiện những Ba-la-mật trong **04 A-tăng-tỳ Kiếp (asankheyya)** và 100.000 kiếp.

(ii) Đối với *Bồ-tát Vipancittanu*, mức độ trưởng thành hay chín muồi về những Ba-la-mật là **trung bình** và các ngài phải thực hành và hoàn thiện tất cả Ba-la-mật trong **08 A-tăng-tỳ Kiếp** (*asankheyya*) và 100.000 kiếp.

(iii) Đối với *Bồ-tát Neyya*, mức độ trưởng thành hay chín muồi về những Ba-la-mật là **còn thấp** và các ngài phải thực hành và hoàn thiện tất cả Ba-la-mật trong **16 A-tăng-tỳ Kiếp** (*asankheyya*) và 100.000 kiếp.

— Để tóm lại:

(i) *Bồ-tát Ugghatittanu* được định dạng là loại *Bồ-tát Pannadhika* (hành trì theo Trí Tuệ (tuệ)).

(ii) *Bồ-tát Vipancittanu* được định dạng là loại *Bồ-tát Saddhadhika* (hành trì theo Niềm-Tin (tín)).

(iii) *Bồ-tát Neyya* được định dạng là loại *Bồ-tát Viriyadhika* (hành trì theo sự Nỗ-Lực (tấn)).

XII

Thật Hiếm Thay Sự Xuất Hiện Của Một Vị Phật!

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật đã nói như vậy:

*Kiccho manussapatilabho
Kiccham maccana jivitam
Kiccham saddhammasavanam
Kiccho buddhanam uppado*

*Khó thay, sanh được làm người!
Khó thay, giữ toàn mạng sống!
Khó thay, được nghe Chánh pháp!
Khó thay, thấy một vị Phật ra đời!*

(*Kinh Pháp Cú – Dhammapada, Kệ số 182*)

(i) Được sanh “**làm người**” là **cơ hội cực kỳ hiếm có**. Theo Đức Phật, số lượng chúng sinh được tái sinh làm người thì chỉ bằng **những hạt bụi dính trên ngón tay**, trong khi đó số lượng chúng sinh bị tái sinh vào những đường xấu, cõi khổ thì nhiều bằng cả trái đất. Ví dụ, chỉ riêng một cộng đồng một loài nhuyễn thể ít ỏi ở Biển Đông (ước tính khoảng 600 ngàn tỷ), gấp 100.000 lần số lượng con người trên trái đất hiện nay. Vì vậy, số lượng chúng sinh làm người thì rất ít và hiếm hoi. **Cho nên Phật mới nhìn thấy rằng được làm người thì thật là hiếm có và may mắn!**

(ii) Còn đối với “**mạng sống**” của con người, từ lúc được sinh ra trên thế giới loài người, ngay từ trong bụng mẹ cho đến lúc cuối vòng đời, thì con người luôn luôn phụ thuộc vào

yếu tố sinh tử, có nghĩa có thể chết bất kỳ lúc nào. Để giữ cho mình được sống, con người phải luôn luôn chăm sóc thân và tâm, tức là một thân người cấu tạo bằng năm Uẩn vật chất và tinh thần. Nếu không được luôn luôn nuôi nấng, chăm sóc để duy trì mạng sống thì mạng sống sẽ mất ngay. (Ví dụ chỉ cần bị bỏ đói hay bị dính bệnh trong một số ngày không được chăm sóc thì sinh mạng cũng khó bảo trì).

Trong kinh *Ví Dụ Về Rắn Độc* (bộ kinh SN, Quyển 4, *Chương Asivisa*), Đức Phật đã so sánh 04 yếu tố Tứ Đại của ‘con người’ như 04 con rắn độc. Năm Uẩn được so sánh như 05 kẻ thù hủy hoại đến tính mạng, và Tham muốn dục vọng thì được ví dụ như một người bạn phản bội với đao kiếm trong tay chờ cơ hội chặt đầu mình. Ví dụ này dùng để minh họa về sự mong manh, sự khó khăn, và sự không ổn định của **một kiếp sống sinh tử**.

Sau khi nghe lời khuyên bảo từ một người **bạn hiền** về những rủi ro, hiểm họa đó, một người có lẽ sẽ mong muốn được thoát khỏi hiểm-nguy, giống như những bản năng sinh tồn của muôn loài thường tìm kiếm chỗ an-toàn cho mình vậy. Để đến được bên bờ an-toàn bên kia, người ấy phải qua sông, **tự thân cố gắng tìm cách kết bè phao và tự thân cố sức bằng đôi tay đôi chân của mình để chèo được qua sông**. Bằng cách này, người ấy qua được bên bờ bên kia và ở đó người ấy trở thành một bậc **thánh nhân**.

Ở đây, người **bạn hiền** đó là **Đức Phật**. Con sông rộng là dòng nước lũ (*ogha*) liên tục cuốn chúng sinh ra biển **Luân Hồi**. Chiếc bè để vượt sông là con đường **Bát Thánh Đạo**, nhưng bản thân chiếc bè không đưa được người qua sông, mà người ấy phải nỗ lực, hết sức cố gắng chèo khéo kiên nhẫn bằng chính chân tay của mình. Sự nỗ-lực ở đây là những nỗ-

lực (tinh tấn) tu tập **manh mẽ, nhiệt tâm và liên tục** của bản thân mình trên con đường tu tập. Còn bờ bên-kia (bỉ ngạn) chính là **Niết-bàn** an lạc và bậc thánh nhân đó là ví dụ như một bậc **A-la-hán** đã qua bên bờ giải thoát.

(iii) Cũng rất là hiếm khó để cho một người có được cơ hội nghe được Chánh Pháp. (*Bạn thử nghĩ trên đời này, có được bao nhiêu phần trăm người biết và bao nhiêu phần trăm người thật sự có hiểu biết về Giáo Pháp? 0.1% hay 1%?*). Tất cả mọi tôn giáo trên đời này cũng đều khuyên dạy thực hiện những điều tốt lành, giữ giới-hạnh đạo đức. Một số tôn giáo cũng chỉ dạy sự định-tâm (*samatha*). Những giáo lý này có thể dẫn đến những cuộc sống hạnh phúc cho con người, thậm chí để được sống trên những cảnh giới của những thiên thần và trời (*deva, brahma*, tức tu tiên), nhưng tận cùng ý nghĩa, những cảnh giới đó chỉ kéo dài thêm vòng luân-hồi của sinh tử (*samsara*) vốn vẫn còn đầy khổ đau. Những giáo lý tu tiên, hưởng lạc đó chắc hẳn chúng ta đã được nghe nhiều trong những kiếp quá khứ. Tuy nhiên, chỉ cho đến kiếp này, chúng ta mới có cơ hội nghe được *Giáo Pháp Đức Phật (Buddha Sasana)* về bản chất đích thực của thân tâm chúng ta, nghe học được *Giáo Pháp Thiền Minh Sát Tứ Niệm Xứ (Dhamma Satipatthana Vipassana)*, mà sự thực hành giáo pháp này sẽ dần dần sự giác ngộ Trí-Biết của Thánh Đạo và Thánh Quả (*magga-phala nana*), và **Niết-bàn**: sự chấm-dứt khổ.

Cơ hội để giải thoát khỏi Khô bằng phương pháp thực hành con đường Bát Chánh đạo thông qua Thiền Minh Sát Tứ Niệm Xứ (*Satipatthana Vipassana*) chỉ có được khi có sự xuất hiện của Đức Phật Toàn Giác. Chỉ có Phật mới có thể truyền dạy những Giáo Pháp cao diệu (**Dhamma**) cho những đệ tử trong Tăng Đoàn, và những tăng sĩ đó sẽ bảo tồn và truyền dạy lại cho mọi người.

(iv) Hãy suy nghĩ về *những khoảng một thời gian vô tận* và *những sự nỗ-lực phi thường của Bồ-tát* để trở thành một vị Phật kể từ khi được thọ ký là *Bồ-tát*, để thấy được rằng *sự xuất hiện của một vị Phật trong thế gian là vô cùng hiếm hoi và vô giá đến dường nào!*

Những Phật tử tốt thì luôn luôn đi nghe học Giáo Pháp và những bài học về *Thiền Minh Sát Tứ Niệm Xứ (Satipatthana Vipassana)*. Đó là những điều hiếm có và thực sự may mắn cho chúng ta trong thế hệ này và trong quần thể chúng sinh muôn loài này. Diệu Pháp của Đức Phật đã được gìn giữ qua mấy ngàn năm và được giảng dạy cho chúng ta hôm nay.

Thật ra, sự nỗ-lực tinh tấn, sự không ngừng nghe học Giáo Pháp và Thiền Tập để mong có ngày giác-ngộ và giải-thoát khỏi luân-hồi sinh tử, là cách tốt nhất để một người *chứng tỏ lòng thành-kính, biết-on, và đền-on Đức Phật hơn bất kỳ hình thức nào*. Bởi vì Đức Phật xuất hiện trên thế gian này để thực hiện lời thệ nguyện mà Phật đã thệ nguyện khi còn là một vị *Bồ-tát (Bodhisatta)* – Đó là: Giảng dạy giáo Pháp cao diệu cho loài người để mọi người có thể thực hành để tự giải thoát mình khỏi sự trầm luân trong khổ đau.

XIII

Tám Kiếp Sống Bất-Hạnh Nhất Trong Vòng Luân Hồi Sinh Tử

Trong kinh *Dasuttara Sutta* (Kinh Thập Thượng) thuộc Bộ Kinh Dài (DN) và Luận Giảng Bộ Kinh Tăng Chi (AN) đã ghi rõ **08 Kiếp Sống** thật vô cùng bất-hạnh trong thời gian có Đức Phật Toàn Giác xuất hiện trong thế gian này.

Bất-hạnh là bởi vì khi có Đức Phật xuất hiện thì những chúng sinh đó **không** được đang làm người để gặp Phật và/hoặc **không** có cơ hội để nghe học được Giáo Pháp của Đức Phật. **08 kiếp sống bất-hạnh nhất** trong vòng luân-hồi sinh tử đó là:

- (1) Kiếp sống liên tục bị đày đọa trong **Địa Ngục**, không làm được điều gì công đức vì đang liên tục chịu những cực hình đau đớn.
- (2) Kiếp sống **Súc Sinh**, luôn luôn sợ hãi và không làm được điều gì công đức, vì không có tri giác để biết được điều gì tốt, xấu.
- (3) Kiếp sống **Ngạ Quỷ** hay ‘hồn ma’, không thực hiện được điều gì công đức, vì luôn luôn chịu đau khổ vì đói và khát liên tục của kiếp quỷ đói.
- (4) Kiếp sống của **Chúng Sinh Vô-Thức** (*asanna satta*) ở cõi trời Phạm Thiên, và do vậy không làm được việc gì công đức hay có thể nghe được Giáo Pháp (*Dhamma*), vì không còn thức hay tri giác, ngoài sắc-thân.

- (5) Kiếp sống của một vị Trời (Phạm Thiên) ở cõi **Vô-Sắc giới**, và không thể gặp được Đức Phật hay nghe được Giáo Pháp của Đức Phật, bởi vì những chúng sinh này không có các căn như mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.
- (6) Kiếp sống ở những **vùng xa xôi hẻo lánh** không tiếp cận được Tăng Đoàn hay bất cứ một đệ tử nào của Đức Phật để được nghe giáo Pháp và vì thế cũng không thực hiện được việc công đức nào.
- (7) Kiếp sống của người luôn **dính chấp vào Tà Kiến**. **Đây có thể gọi là một kiếp sống bất-hạnh nhất trong 8 kiếp sống bất hạnh đang nói**. Vì sao? Vì những người này **vô cùng may mắn** đang được sống ngay giữa trung tâm thế gian này, hay thậm thậm chí đang được sống ngay giữa “**Miền Phật Giáo**” (kể cả những xứ Miền Trung Bắc Ấn Độ vào thời có Đức Phật tại thế đi thuyết giảng), nhưng vì *dính-chấp vào tà-kiến* nên lại **không** nghe và hiểu được Giáo Pháp và **không** làm được những việc công đức ngay lúc Đức Phật truyền dạy khắp đất nước.
- (8) Kiếp sống của **những người tật-nguyên, những thiên-thần, những quỷ-thần dị dạng trong cõi trời Tứ Đại Thiên Vương (Catumaharajika), đó là những chúng sinh mà Thức tái sinh không có căn thiện (ahetuka)**, vì vậy họ không thể nào hiểu được hay thực hành Giáo Pháp Đức Phật, ngay cả khi họ đang sống giữa “**Miền Phật Giáo**” và cũng không hề bị dính-chấp vào những tà-kiến sai lạc như dạng (7) nói trên. Sự bất-hạnh chỉ là do Thức tái sinh của họ *không có gốc rễ hay căn hướng thiện*.

XIV

Sự Thực Hành Ba-la-mật Của Phật Duyên Giác & Của Những Đại Đệ Tử Của Đức Phật

(I) Bốn Loại Phật

Trí-biết bốn phần này, đó là trí-biết về 04 chặng Thánh Đạo (*magga-nana*), dù có được đi kèm với Trí Toàn-Tri (*sabbannuta-nana*) hay không, thì cũng được gọi là sự “Giác Ngộ” hay “Bồ-Đề” (*Bodhi*). Trí tuệ bốn phần cũng là sự thấu hiểu về Bốn Diệu Đế. Có ba dạng sự “Giác Ngộ”:

(1) **Phật Toàn Giác** (*Samma-sambodhi*):

Toàn Giác hay Giác Ngộ Toàn Thiện (*còn gọi là Giác ngộ Viên mãn, Giác Ngộ Tối Thượng, hay Chánh Đẳng Chánh Giác*): bao gồm Trí tuệ Giác ngộ của Thánh Đạo cùng với Trí Toàn-Tri (*sabbannuta-nana*).

Sự Giác-ngộ này, hay quả vị Phật này, chỉ được chứng ngộ bằng sự nỗ-lực của cá nhân một người, không có sự giúp đỡ của người Thầy (đạo không Thầy, vô sư), và nhờ vào những sự cố-gắng phi thường của một người trong việc diệt trừ tất cả những dính-chấp (chấp thủ) và những ô-nhiễm (lậu hoặc) cũng như những quán-tính (tập khí, *vasana*) trong quá khứ.

Khoảng thời gian để hoàn thiện các hạnh nguyện Ba-la-mật tối thiểu là 04 A-tăng-tỳ Kiếp và 100.000 kiếp.

(2) **Phật Duyên Giác** (*Pacceka-Bodhi*)

Sự Giác Ngộ này cũng gồm có trí-biết về 04 chặng Thánh Đạo (*magga-nana*), được chứng ngộ bởi chính mình mà không cần có sự giúp đỡ của người Thầy. Một vị Phật giác ngộ như vậy được gọi là **Phật Duyên Giác** hay **Phật Độc Giác**, tức là tự giác ngộ một mình, và *nhưng* cũng không truyền dạy Giáo Pháp cho ai. Vì vậy, vị Phật này được gọi như vậy với nghĩa là bậc Giác Ngộ đơn độc, vì không có khả năng chia sẻ truyền dạy cho người khác; **chỉ có tự-giác chứ không có giác-tha**. Khoảng thời gian để hoàn thiện tất cả Ba-la-mật là 02 A-tăng-tỳ Kiếp và 100.000 kiếp.

(3) **Phật Thanh Văn Giác** (*Savaka-Bodhi*)

Thanh Văn Giác, cũng gồm có trí-biết về 04 chặng Thánh Đạo (*magga-nana*) chứng ngộ được nhờ sự hướng-dẫn chỉ dạy bởi một Vị Sư Thầy. Một vị Phật như vậy được gọi là **Phật Thanh Văn Giác**: ở đây là hàm chỉ những bậc đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán, đã tu tập và giác ngộ thánh quả cao nhất với tư cách là hàng đệ-tử (thanh văn) của Đức Phật Thích-Ca. Nhiều người trong số họ đã giác ngộ thánh quả A-la-hán ngay sau khi nghe Đức Phật thuyết giảng.

Khoảng thời gian để hoàn thành tất cả những Ba-la-mật là 01 A-tăng-tỳ Kiếp và 100.000 kiếp đối với những Đệ Tử Thứ Nhất và Thứ Hai, và là 100.000 kiếp đối với những vị Đại Đệ Tử.

(II) **Phật Duyên Giác, “Phật Im Lặng”**

Phật Duyên Giác (còn được gọi là Phật Độc Giác, Phật Bích Chi). Theo hệ thống phân cấp của những bậc chứng sinh giác ngộ thành Phật, thì Phật Duyên Giác đứng dưới Phật Toàn Giác (*Samma sambuddha*) và đứng trên hàng Đệ Tử Thanh Văn (*Savaka*). Trong ghi chép Quyển “*Illustrator of*

Ultimate Meaning” (Minh Họa Về Ý Nghĩa Tốt Cùng), một luận giảng về Tiểu Bộ Kinh (*Khuddakapatha* VI, 42-43), thì một vị Phật Duyên Giác (*Pacceka Buddha*) được xếp cao *xa* hơn hàng Đệ Tử Thanh Văn và xếp dưới *xa* hơn một Đức Phật Toàn Giác theo mức độ phẩm chất như sau:

“Ngay cả hàng trăm đại đệ tử như ngài Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên cũng không thể sánh bằng một phần trăm những phẩm-hạnh của một vị Phật Duyên Giác. Nhưng nếu đem so với một vị Phật Toàn Giác, thì tất cả những vị Phật Duyên Giác ở trong cõi Diêm-Phù-Đề (Jambudipa) cộng lại cũng không thể bằng một phần những phẩm-hạnh của một đức Phật Toàn Giác”.

Những vị Phật Duyên Giác đã tự mình giác ngộ (tự giác), tuy nhiên **không khai ngộ hay không làm người khác giác ngộ** (không giác tha). Họ chỉ giác ngộ về cốt lõi ý nghĩa, chứ không giác ngộ về lý tưởng hay giáo pháp và không có khả năng tổng hợp những giáo pháp siêu phàm thành những khái niệm (thế gian) và không thể truyền dạy cho mọi người. Vì vậy những vị Phật này được gọi là những vị **“Phật Im Lặng”**.

Tuy nhiên, Phật Duyên Giác chứng đắc được những năng-lực siêu-phàm tức *“thần-thông”* (*iddhi*) và những trạng thái định-sâu (*samapatti*), và có thể ảnh hưởng, khuyến khích người khác *một cách gián tiếp* bước vào con đường đạo.

Câu chuyện về *Bồ-tát Sanka* được ghi trong quyển *“Minh Họa Về Ý Nghĩa Tốt Cùng”* nói trên (*Illustrator* VI, 129), kể về một người con trai của *Bồ-tát Sanka* tên *Susima* đã đến gặp những vị Phật Duyên Giác ở gần Vườn Nai, và xin được chỉ dạy tu tập để được giác ngộ. Tất cả những việc Phật Duyên Giác làm là chấp nhận thọ giới cho anh ta và dạy cho

anh ta một số giới-hạnh căn bản, bởi vì những Phật Duyên Giác không thể chỉ dạy cho anh ta về chủ đề “Thiền”. Cuối cùng, anh ta cũng nỗ-lực tu tập và cũng tự giác ngộ thành một vị Phật Duyên Giác.

Khi nói về **thời gian những vị Phật Duyên Giác xuất hiện**, thì những luận giảng về Kinh Tạng (*Suttanipata*) ghi rằng những vị Phật Duyên Giác xuất hiện không phải vì có biết đến một vị Phật Toàn Giác và cũng không biết vào những thời nào có Đức Phật Toàn Giác đản sinh.

Việc giác-ngộ trở thành Phật Duyên Giác **chỉ có thể thực hiện được vào những thời không có Đức Phật Toàn Giác**. Nhiều vị Phật Duyên Giác có thể xuất hiện cùng một lúc hay một thời nào đó. Kinh *Isigili Sutta* thuộc Trung Kinh Bộ (MN) có ghi lại rằng có 500 vị Phật Duyên Giác từng sống trong khu hang động **Núi Isigili**, một trong năm dãy núi gần thành Vương Xá (Rajagaha). Mặc dù ghi chép diễn tả tất cả các vị Phật sống chung gần chỗ khu hang động đó, nhưng thực tế là họ không cùng nhau tu tập hay hướng dẫn lẫn nhau tu tập, mà tất cả đều tự mình tu tập và giác ngộ thành những vị Phật Duyên Giác.

Một người có tâm nguyện trở thành một vị *Phật Duyên Giác* (*Pacceka Buddha*) thì được gọi là một *Bồ-tát Duyên Giác* (*Pacceka Bodhisatta*). Một vị *Bồ-tát Duyên Giác* phải có đầy đủ **năm phẩm-chất** sau đây, đó là:

- (1) *Phải là một con người*
- (2) *Phải là một nam nhân*
- (3) *Phải gặp được một bậc giác ngộ, ví dụ một Đức Phật, một vị Phật Duyên Giác hay một A-la-hán.*
- (4) *Hạnh nguyện phải xuất gia, từ bỏ ràng buộc gia đình.*

(5) Phải có những có tâm-nguyện (*chanda*) rất mạnh mẽ để thực hiện mục tiêu, dù biết rằng mình có thể phải chịu nhiều kiếp tái sinh, ngay cả vào những cảnh giới xấu.

(III) Những vị Phật Thanh Văn: Những Đệ Tử Hàng Đầu & Đại Đệ Tử của Đức Phật.

Những phẩm chất của những vị Đệ Tử Thanh Văn là:
Hành động và Những Tâm Nguyện Công Đức.

(1) Đối với ngài Xá-Lợi-Phất (*Sariputta*) và ngài Đại Mục-Kiền-Liên (*Maha-Moggallana*), kiếp quá khứ các ngài đã có đại nguyện trở thành Đệ Tử Hàng Đầu (đệ nhất đệ tử) của Đức Phật, và đã được vị Phật Tổ xác nhận (thọ ký) 1 A-tăng-tỳ Đại Kiếp (*asankheyya kappa*) và 100.000 kiếp trước đó. Sau đó, họ đã hoàn thiện các hạnh Ba-la-mật và đạt được mục-tiêu đại nguyện trong kiếp này *dưới* sự dẫn dắt của Đức Phật Thích Ca.

(2) Đối với những vị Đại Đệ Tử của Đức Phật, **80 Tỷ kheo và 13 Tỷ kheo Ni**, thì họ đã có hạnh nguyện trở thành những Đại Đệ Tử của Đức Phật cách đây 100.000 kiếp. Những vị có hạnh nguyện này đã được gặp mặt Đức Phật và một bậc Đại A-la-hán (*Maha Arahant*), những người có phẩm-hạnh đáng kính trọng và đáng được noi theo. Nên những người “có hạnh-nguyện” này thực hiện việc cúng dường liên tục 07 ngày với mong ước sẽ trở thành những bậc Đại A-la-hán trong tương lai với sự có mặt của Đức Phật Toàn Giác.

Sau đó, những vị được thọ ký như một sự bảo đảm, được gọi là *Niyata-byakarana*, từ Đức Phật lúc bấy giờ,

đó là Phật Tổ **Padumuttara** xuất hiện cách đây 100.000 kiếp, đó chính là vị Phật đã thọ ký cho **nguồn Đại A-la-hán** sau này. Sau đó, các vị này thực hành và hoàn thiện những hạnh Ba-la-mật và đạt được mục tiêu ước nguyện trong kiếp này dưới sự dẫn dắt của Đức Phật Thích Ca.

XV

Những Đại Đệ Tử Ưu Tú Của Đức Phật

Trong Tương Ưng Bộ Kinh (*Samyutta II*, 155), Đức Phật đã chỉ ra rằng những nhóm Tỳ Kheo đi theo từng vị Đại A-la-hán sẽ có được **những phẩm chất đặc biệt của** vị Đại A-la-hán đó, kiểu như “người làm gương cho người”.

Trong Bộ Kinh Tăng Chi (AN), NHÓM KINH 14, chúng ta đọc thấy Đức Phật đã phân biệt, đặt danh dự cho những **Đại Đệ Tử Ưu Tú** (*etadagga*) tùy theo mỗi pháp hành trì mà họ đã có tâm nguyện thực hiện trong quá khứ. Một số phẩm chất siêu việt gắn liền với tên của những Đại đệ tử Ưu Tú, đó là:

- Sariputta (Xá-Lợi-Phất) – Đại Đệ Tử Thứ Nhất, *đệ nhất trí tuệ*.
- Mahamoggallana (Đại Mục-Kiền-Liên) – Đại Đệ Tử Thứ Hai, *đệ nhất thần thông*.
- Mahakassapa (Đại Ca-Diếp) – *đệ nhất khổ hạnh* hay hạnh đầu đà.
- Mahakaccayana (Đại Ca-chiên-diên) – *đệ nhất bình giải* (biện luận, trình bày và phân tích).
- Mahakotthita (Đại Câu-hy-la) – *đệ nhất trí phân-biệt*.
- Ananda – *đệ nhất văn* (nghe, nhớ nhiều nhất)
- Upali (Ưu-ba-ly) – *đệ nhất Luật Tạng*, đệ nhất trì giới
- Punna Mantaniputta (Phú-Lâu-Na) – *đệ nhất thuyết giảng Giáo Pháp (Dhamma)*.

- Kumara Kassapa (Cưu-ma-la Ca-Diếp) – đệ nhất thuyết giảng *Vi Diệu Pháp* (*Abhi-dhamma*).
- Revata Khadiravaniya – đệ nhất tu ẩn cư (trong rừng).
- Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) – đệ nhất thiên nhãn thông.
- Subhuti (Tu-Bồ-Đề) – đệ nhất xứng đáng được cúng dường.
- Sivali (Thi-bà-la) – đệ nhất nhận được nhiều cúng dường nhất.
- Maha Kappina (Đại Kiếp-Tân-na) – đệ nhất thuyết pháp cho chúng Tăng.
- Bahiya – đệ nhất giác ngộ thành A-la-hán nhanh nhất, người chứng quả A-la-hán ngay sau khi Đức Phật giảng vài câu một thời pháp ngắn mà ngài chưa bao giờ nghe biết trước đó.
- Rahula (La-hầu-la) – đệ nhất ham muốn tu tập, luôn luôn canh cánh về vấn đề tu tập.

■ Để tìm hiểu thêm về những đại đệ tử nam và nữ của Đức Phật, xin mời các bạn đọc thêm quyển sách “**Chân Dung Ngòi Bút – 93 vị Đại Đệ Tử Của Đức Phật**” (“*Pen Portraits–Ninety Three Eminent Disciples of the Buddha*”) của tác giả **C. De Saram**⁷.

XVI

Chú Giải

(Chú Giải 1):

Chữ “**abhinna**” là một từ kết hợp hay từ ghép của 2 từ: “**abhi**”= cao hơn, bậc cao và “**nana**”= kiến thức, trí tuệ. Vì vậy, chữ “**abhinna**” có nghĩa là: **Trí-tuệ bậc cao** hay **siêu trí**. Sáu Siêu Trí (**abhinna**) bao gồm:

- (1) Những Thần Thông (Iddhi-vidha),
- (2) Tai Thiên Thánh (Dibba-sota), Thiên nhĩ thông
- (3) Sự Đọc Được Tâm của người khác (Cittapariya nana or cetopariya),
Tha tâm thông.
- (4) Mắt Thiên Thánh (Dibba-cakkhu), Thiên Nhãn Minh
- (5) Sự Nhìn Thấy Được Những Kiếp Quá Khứ (Pubbenivasanussati) hay
Túc Mạng Minh (HV)
- (6) Sự Tiêu Diệt Hết Ô-Nhiễm (Asavakkhaya) hay Lưu Tận Minh (HV).

Năm siêu trí đầu là thuộc về thế gian và có thể đạt được bằng những phương pháp “Thiền Định” (Samatha), trong khi đó siêu trí cuối cùng là trí xuất thế gian, siêu phàm, và chỉ có thể đạt được bằng “Thiền Minh Sát” (Vipassana) với sự thâm nhập trí-tuệ từ bên trong.

(Chú Giải 2):

“**Patisambhida Nana**” có nghĩa là Trí-Biết mang tính phân-tích (Vô ngại giải trí). Có 4 loại Phân Biệt (phân tích), đó là:

(a) **Attha-patisambhida** = *Phân Biệt về Nghĩa*. Nghĩa ở đây là Quả của Nhân (hetu), đặc biệt phân tích về 05 pháp sau đây:

- (i) Mọi pháp hữu-vi, do điều kiện nhân duyên mà có,
- (ii) Niết-bàn (nibbana),
- (iii) Nghĩa của những lời nói,

- (iv) Quả của Nghiệp (kamma) hay nghiệp quả,
- (v) Thức chức năng.

Sự hiểu-biết (phân biệt) những khác-nhau về nghĩa, ví dụ như những từ: **khổ, quyết tâm, nỗ lực, sự không xao lãng**, chính là sự phân biệt hay phân tích về nghĩa vậy.

(b) Dhamma-patisambhida = *Phân biệt về Pháp* (quy luật, chân lý). Pháp ở đây dùng để chỉ điều-kiện hay duyên (paccaya). Vì điều-kiện là cần thiết để một sự vật hay hiện tượng khởi sinh hay xảy ra, nên nó được gọi là pháp (dhamma, theo nghĩa là quy luật, tác nhân – ND):

- (i) Mọi nhân tạo ra quả,
- (ii) Bát Thánh Đạo,
- (iii) Những gì được nói ra,
- (iv) Những gì lợi lạc,
- (v) Những gì không lợi lạc.

Sự hiểu-biết (phân biệt) về những khác-nhau về Pháp (quy luật, chân lý), ví dụ như: **Đục vọng, tín căn, tinh tấn căn, định căn**, chính là sự phân biệt về Pháp vậy.

(c) Nirutti-patisambhida = *Phân Biệt về Ngôn Ngữ*: Đây là trí tuệ biểu thị bằng ngôn ngữ đối với nghĩa và Pháp.

Sự hiểu-biết (phân biệt) về những khác nhau về ngôn ngữ được dùng trong **bốn ví dụ về nghĩa**, và **bốn ví dụ về Pháp** trên đây, chính là sự phân biệt về ngôn ngữ vậy.

(d) Patibhana-patisambhida = *Phân Biệt về tính Minh-Bạch* (rõ ràng, thông suốt): Trong những ví dụ nêu trên, có sự minh bạch hay rõ ràng về **Sự hiểu-biết 4 loại nghĩa**, sự rõ ràng về **Sự hiểu-biết 4 loại pháp** (quy luật chân lý), và sự rõ ràng về **Sự hiểu-biết về 8 loại ngôn ngữ** (để biểu thị 8 ví dụ trên)

Sự hiểu biết khác nhau về sự minh bạch, sự rõ ràng, chính là trí tuệ phân biệt về sự minh bạch, rõ ràng.

■ **Tham khảo:** *Thanh Tịnh Đạo* (Visuddhimagga), Chương XIV, 21 và *Phân Tích Đạo* (Patisambhidamagga), Chương XXV-XXVIII, cả 2 bộ sách kinh điển này này đều đã được dịch ra tiếng Anh bởi nhà sư dịch giả Bhikkhu Nanamoli lổi lạc).

(Chú Giải 3):

Theo bộ *Puggala-Pannatti* (Sách Định Loại Con Người; Nhân Thi Thuyết Luận), Chương IV, 5; và theo “*Tăng Chi Bộ Kinh*” (AN), Quyển Bốn, kinh 133, thì những chúng sinh thật may mắn nghe, biết được Phật Pháp (Buddha Sasana), hay có được vận duyên thiên mạng, có thể được xếp vào 4 dạng người như sau, đó là:

(a) **Ugghatitannu:** Người có thể hiểu biết được giáo thuyết ngay khi được nói ra, tức là **nhanh trí**.

Ví dụ như người có trí tuệ siêu xuất là ngài Xá-Lợi-Phất (**Sariputta**) có thể chứng đắc thánh quả Nhập-Lưu ngay sau khi nghe 2 câu trong một bài kệ 4 câu do ngài **Assaji** nói ra, và ngài Đại Mục-Kiền-Liên (**Maha Moggalana**) cũng chứng đắc ngay thánh quả Nhập-Lưu ngay sau khi toàn bộ bài kệ 4 câu đó được lặp lại bởi ngài Xá-Lợi-Phất. Còn ngài **Bahiya Daruciriya**, như vừa nói ở phần trên, có thể chứng đắc thánh quả A-la-hán ngay sau khi nghe Đức Phật nói vài câu thuyết giảng nhanh chóng, và ngài được gọi là **đệ nhất** về trí giác ngộ A-la-hán trong thời gian ngắn nhất.

(b) **Vipancitannu:** Người có thể hiểu biết giáo thuyết sau khi đã học, đã **được giảng giải** mọi ý nghĩa của giáo thuyết đó. Những người này có thể Giác ngộ giáo pháp sau khi nghe một hay nhiều thời pháp giảng giải chi tiết hay thuyết giảng đầy đủ.

(c) **Neyya:** Người có thể hiểu biết giáo thuyết đó sau khi được nghe, tụng đọc nhiều lần, nhờ tham vấn đề được giảng giải, có thành tâm, ý chí học hỏi và tu tập. Loại người này **phải có vị thầy hướng dẫn, chỉ dạy** thì sẽ Giác ngộ được giáo pháp.

(d) **Padaparama:** Loại người này, mặc dù gặp được Giáo Lý của vị Phật (Buddha Sasana), và mặc dù đã tận lực học hỏi và thực hành

Giáo Pháp, tụng đọc, thuộc lòng, nhưng vẫn không hiểu biết rõ, vẫn không thể giác ngộ Đạo và Quả trong kiếp sống này. Tất cả những gì người này có thể làm được chỉ là tạo cho mình một quán-tính (tập khí, vāsana) tốt cho kiếp này và kiếp sau.

▪ **Ghi nhớ:**

Theo *Vi Diệu Pháp Tạng* (Abhidhamma), 03 loại người đầu tiên là những người được sinh ra với 03 thiện-căn (**tihetuka**) là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si; trong khi đó loại người thứ tư thì được sinh ra chỉ với 02 thiện-căn (**dvihetuka**) là Vô Tham và Vô Sân, nhưng còn thiếu một căn về trí-tuệ là căn Vô Si, nên vẫn còn bị u mê, chậm chứng ngộ thánh đạo và thánh quả như vậy.

XVII

Sách & Tài Liệu Tham Khảo

- (1) “*Niyama Dipani*” (*Cẩm Nang Về Trật Tự Vũ Trụ*, trong quyển *Cẩm Nang Phật Học*), tác giả Đại Trưởng lão Mahathera Ledi Sayadaw, Aggamahapandita.
- (2) “*The Great Chronicle of Buddhas*” (*Đại Biên Niên Sử Chư Phật*), Tập 1, Phần 1, tác giả Hòa Thượng Thiền Sư Mingun Sayadaw Bhaddanta Vicittasarabhivamsa.
- (3) “*Từ Điển Tiếng Pali*”, tác giả Robert Caesar Childers. Tái Bản bởi nxb Motilal Banarsidass, Delhi.
- (4) “*Tăng Chi Bộ Kinh*” (*Anguttara Nikaya*), Tập I. Bản dịch của F. L. Woodward, xb bởi Hội Kinh Điển Pali (PTS), London 1979.
- (5) “*Phật Duyên Giác: Một Tu Sĩ Khổ Hạnh Phật Giáo*”, tác giả Ria Kloppenborg. Ấn bản “*The Wheel Publication No. 305/306/307*”.
- (6) “*Trình Bày Ý Nghĩa Tột Cùng (Paramatthajotika) – Luận Giảng Về Tiểu Bộ Kinh (Khuddakapatha)*”, tác giả Bhandantacariya Buddhaghosa. Bản dịch từ tiếng Pali qua tiếng Anh của ngài Bhikkhu Nanamoli. Xb bởi Hội Kinh Điển Pali (PTS), 1978.
- (7) “*Pen Portraits – Ninety Three Eminent Disciples of the Buddha*” (*Chân Dung Ngòi Bút– 93 vị Đại Đệ Tử Của Đức Phật*), tác giả C. de Saram. Xb bởi Trung Tâm Thiền Phật Giáo Singapore. Tái bản bởi Hội Phật Giáo Subang (Subang Jaya Buddhist Association), 2001.

- (8) “*The Path of Purification*” (*Visuddhimagga*) (Con Đường Thanh Lọc hay Thanh Tịnh Đạo). Bản dịch từ tiếng Pali qua tiếng Anh của ngài Bhikkhu Nanamoli. Xb bởi Hội Phật Giáo Tích Lan (*Buddhist Publication Society, Sri Lanka*).
- (9) “*The Path of Discrimination*” (*Patisambhidamagga*) (Con Đường Phân Biệt hay Phân Tích Đạo). Bản dịch từ tiếng Pali qua tiếng Anh của ngài Bhikkhu Nanamoli. Xb bởi Hội Kinh Điển Pali (PTS), 1982.